

# **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DOKOFARM**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ DOKOFARM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH TM DV DOKOFARM

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1301109965

**3. Ngày thành lập:** 18/10/2021

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa đất số 381, tờ bản đồ số 08, ấp 4, Xã Tân Lợi Thạnh, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0972352823

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành                                                     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                             | 4610                                                         |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ động vật và lâm sản pháp luật cấm kinh doanh)                                                                                  | 4620(Chính)                                                  |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                            | 4632                                                         |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                             | 4669                                                         |
| 5.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp                                                                                                                               | 7214                                                         |
| 6.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                     | 7310                                                         |
| 7.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                      | 7320                                                         |
| 8.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ thuốc lá thuốc láo không rõ nguồn gốc, thuốc lá thuốc láo pháp luật cấm kinh doanh) | 4711                                                         |
| 9.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                            | 4719                                                         |
| 10. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                             | 4721                                                         |
| 11. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                              | 4722                                                         |
| 12. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                               | 1010                                                         |
| 13. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                | 1079                                                         |
| 14. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                                                                 | 1080                                                         |
| 15. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>(trừ thuốc lá thuốc láo không rõ nguồn gốc, thuốc lá thuốc láo pháp luật cấm kinh doanh)                                  | 4781                                                         |
| 16. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                    | 4789                                                         |
| 17. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                       | 4791                                                         |
| 18. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                       | 4799                                                         |
| 19. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                          | 3290                                                         |
| 20. | Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.        | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN MINH NHỰT Giới tính: Nam  
Chức danh: Giám đốc  
Sinh ngày: 15/01/1987 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 321263991  
Ngày cấp: 06/04/2016 Nơi cấp: Công an Bến Tre  
Địa chỉ thường trú: Số 88/91, ấp Thới Định, Thị Trấn Chợ Lách, Huyện Chợ Lách, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
Địa chỉ liên lạc: Số 88/91, ấp Thới Định, Thị Trấn Chợ Lách, Huyện Chợ Lách, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre